

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2017

“Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hồng Điều

2. Ông Mai Văn To

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 309/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc *“Tranh chấp ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 83/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2017/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

Địa chỉ tạm trú: Số D16/23/6 ấp 4, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Đặng Thái V, sinh năm 1981.(Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Do quen biết và được sự đồng ý, nhất trí của gia đình và cha mẹ hai bên nên vào năm 2008 chị và anh Đặng Thái V đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Long An và được Ủy ban cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 24/8/2009.

Sau khi cưới, vợ chồng chị sống với gia đình chồng tại số ấp 7, xã N, huyện B, tỉnh Long An. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được khoảng hơn 04 đầu năm sau khi cưới thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên trong cuộc sống thường xảy ra mâu

thuần, cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên chị và anh V đã ly thân hơn 03 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Thái V.

- Về nuôi con chung: Chị và anh V chung sống với nhau hiện sinh được 02 đứa con chung tên Đặng Nguyễn Khánh N, sinh ngày 04/7/2009 và Đặng Thái H sinh ngày 17/12/2010 hiện hai cháu đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh V chung sống với nhau không tạo lập được tài sản chung do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L trình bày và cam kết vợ chồng chung sống với nhau không có nợ chung và cũng không ai nợ vợ chồng nên chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo, tổng đạt hợp lệ hai bên đương sự đến Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng chị L có mặt, bị đơn anh Đặng Thái V vắng mặt không có lý do và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào pháp luật hiện hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng :

[1.1] Chị Nguyễn Thị Thùy L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đặng Thái V, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “ Xin ly hôn”; thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

[1.2] Bị đơn anh Đặng Thái V đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt anh V.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị L:

[2].[1] Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Đặng Thái V xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Long An, đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân giữa chị L và anh V là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2].[2] Chị L và anh V quen biết, tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được gia đình và cha mẹ hai bên đồng ý nên đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới

có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 24/8/2009. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được hơn 04 năm, tuy nhiên theo chị L trình bày, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình hai người không còn hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống nên thường hay cãi nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị ngày càng trầm trọng cuộc sống chung không thể tiếp tục nên chị và anh V đã ly thân hơn 03 năm nay. Từ khi ly thân vợ chồng đều không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng của chị L và anh V thực sự mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy L.

[2].[3] Về con chung: Theo chứng cứ mà chị L cung cấp, chị L và anh V có hai con chung tên chung tên Đặng Nguyễn Khánh N, sinh ngày 04/7/2009 và Đặng Thái H sinh ngày 17/12/2010, hiện hai cháu đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung là cháu N và cháu H là phù hợp với nguyện vọng của cháu N và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị L không yêu cầu anh Đặng Thái V cấp dưỡng nuôi con, anh V vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về tâm sinh lý của con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L được trực tiếp nuôi hai con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L là không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

[2].[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do anh Vi không có văn bản gì trình bày vấn đề này, chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có ai nợ vợ chồng chị nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[2].[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo pháp luật quy định sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 53, 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy L đối với anh Đặng Thái V.

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với anh Đặng Thái V.

2.Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Đặng Nguyễn Khánh N sinh ngày 04/7/2009 và Đặng Thái H sinh

ngày 17/12/2010. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0005404**, ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Long An. Chị L đã nộp xong.

Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Noinhân:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện B.
- THA huyện B.
- Các đương sự.
- UBND xã N;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn An